

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 26 - 4 - 2022

“V/v Tranh chấp chia tài sản chung
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn AS

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh NA

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NA tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh NA xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 28/2021/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 63/2021/HNGĐ-ST ngày 12/8/2021 của Tòa án Nhân dân huyện AS, tỉnh NA bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2022/QĐXXPT-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Quỳnh P, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đậu Nam H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị L, sinh năm 1965. Có mặt.

+ Bà Phan Thị M, sinh năm 1967. Vắng mặt. Ủy quyền cho ông Đậu Văn H.

+ Ông Đậu Văn H, sinh năm 1972. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn AS, huyện AS, NA.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh P và bị đơn anh Đậu Nam H.

5. *Kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân huyện AS, tỉnh NA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2021/HNGĐ-ST ngày 12/8/2021 của Tòa án Nhân dân huyện AS, tỉnh NA thì vụ án có nội dung như sau:

- *Trong đơn khởi kiện ngày 11/9/2020, lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh P trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Quỳnh P và anh Đậu Nam H kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, nên thường xuyên cãi nhau. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Hiện tại, chị Phương không còn tình cảm với anh Hà nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Phương được ly hôn anh Hà.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là: 01 ngôi nhà cấp 4, công trình phụ khép kín và các công trình khác bao gồm: Sân, cổng, bờ tường rào, giếng nước, chuồng lợn, mái tôn, các loại cây cối. Các công trình này tọa lạc trên đất của anh Hà và các tài sản khác gồm: 01 tủ đựng quần áo; 01 giường ngủ; 01 tủ bếp.

Tài sản riêng của chị Phương gồm: 01 xe máy hiệu Vision BKS 37M1-221.32, 01 tủ lạnh, 01 ti vi hiệu TCL, 1 tủ nhôm kính để bát đĩa, 1 bếp ga; Tài sản riêng của anh Hà gồm: 01 kệ để ti vi, 01 bộ bàn ghế, 01 quạt cây, 01 bình ga.

Về nợ chung: Vợ chồng nợ chị Trần Thị L tổng số tiền 49.250.000 đồng, nợ anh Đậu Văn H số tiền 10.000.000 đồng, nợ chị Phan Thị M số tiền 12.000.000 đồng. Nay ly hôn chị Phương đề nghị Tòa án: Buộc anh Hà bồi thường tiền hoa nữ cho chị Phương trong thời gian 6 năm theo quy định của pháp luật. Về phân chia tài sản và trả nợ: Giao tài sản là ngôi nhà và các công trình, cây cối gắn liền trên đất cho anh Hà, anh Hà có nghĩa vụ trả nợ cho chị Liên, chị Mai và anh Hải và giao lại tiền chênh lệch về tài sản cho chị Phương phần nhiều hơn vì chị Phương có công sức đóng góp vào việc xây dựng khối tài sản chung nhiều hơn anh Hà, cụ thể là: Mẹ chị Phương cho riêng chị Phương 100.000.000 đồng để làm nhà, khi làm nhà bán vàng cưới do mẹ chị Phương tặng 10 chỉ vàng hiệu 9999, 2 anh trai chị Phương tặng 6 chỉ vàng hiệu 9999. Ngoài ra, chị Phương đề nghị trích công sức tôn tạo thửa đất cho chị Phương vì vợ chồng đã làm nhà trên đất của anh Hà.

Tài sản riêng của ai thì người đó lấy, còn tài sản là 01 tủ đựng quần áo; 01 giường ngủ thì thống nhất chị Phương lấy tủ, anh Hà lấy giường.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đậu Nam H trình bày:

Thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như chị Phương trình bày là đúng. Bản thân anh Hà không muốn ly hôn, nhưng chị Phương yêu cầu được ly hôn thì anh Hà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Thống nhất các tài sản chung chị Phương đã kê khai gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, công trình phụ khép kín và các công trình khác bao gồm: Sân, cổng, bờ tường rào, giếng nước, chuồng lợn, mái tôn và các loại cây cối. Các công trình này tọa lạc trên thửa đất số 280 tờ bản đồ số 10 tại tổ dân phố 2, thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA là tài sản riêng của anh Hà và các tài sản sinh hoạt trong gia đình như chị Phương kê khai.

Về tài sản riêng của 2 vợ chồng như chị Phương đã kê khai.

Về nợ chung: Thống nhất các khoản nợ chung như chị Phương kê khai.

Nay ly hôn anh Hà không đồng ý bồi thường tiền hoa nữ cho chị Phương.

Về việc phân chia tài sản và trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hà không đồng ý chia cho chị Phương phần nhiều hơn, mà đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung và nợ chung cho mỗi người một nửa. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh Hà đồng ý chia phần tài sản cho chị Phương nhiều hơn, cụ thể là: Tổng trị giá tài sản của vợ chồng đã định giá là hơn 180 triệu đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), anh Hà đồng ý chia cho chị Phương 100 triệu đồng (Một trăm triệu đồng), còn anh Hà nhận 80 triệu đồng (Tám mươi triệu đồng) nhưng nợ thì chia đôi mỗi người trả một nửa. Còn việc mẹ chị Phương cho số tiền 100 triệu đồng (Một trăm triệu đồng) để làm nhà là cho chung vợ chồng chứ không phải cho riêng chị Phương nên vợ chồng được hưởng chung.

Còn việc chị Phương yêu cầu trích công sức tôn tạo thửa đất mà vợ chồng đã làm nhà trên đất là tài sản riêng của anh Hà thì anh Hà không đồng ý. Vì việc tôn tạo thửa đất để làm nhà, hiện nay anh Hà đang nợ tiền đổ đất, san lấp mặt bằng thửa đất.

Còn tài sản riêng của ai thì người đó lấy; Tài sản chung là 01 tủ đựng quần áo; 01 giường ngủ thì thống nhất chị Phương lấy tủ, anh Hà lấy giường.

- Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị L vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị L khai: Năm 2015 và 2016, anh Đậu Nam H và chị Nguyễn Thị Quỳnh P có vay chị Liên số tiền là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng) và 1 dây chuyền vàng 5 chỉ hiệu 9999 để làm nhà. Nay anh Hà và chị Phương đã trả được 21.000.000 đồng, còn nợ là 27.000.000 đồng và 1 dây chuyền vàng 5 chỉ hiệu 9999. Nay anh Hà chị Phương ly hôn đề Tòa án buộc anh Hà chị Phương trả cho chị Liên số tiền 21.000.000 đồng

và trị giá 5 chỉ vàng hiệu 9999 theo giá vàng hiện tại là 28.250.000 đồng. Tổng cộng số tiền là: 49.250.000 đồng, chị Liên không yêu cầu tính lãi suất.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Phan Thị M và anh Đậu Văn H vắng mặt nên không có ý kiến.

Với nội dung trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 63/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện AS, tỉnh NA đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 2, khoản 4 Điều 147; Khoản 2, khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274 Bộ luật Dân sự; Điều 13; Điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Quỳnh P và anh Đậu Nam H được ly hôn.

2. Về chia tài sản chung:

Chia cho anh Đậu Nam H được sở hữu các tài sản sau:

- Ngôi nhà cấp 4 trị giá: 164.092.003 (Một trăm sáu mươi tư triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, không trăm lẻ ba đồng).
- Sân lát gạch trị giá: 2.022.000 (Hai triệu, không trăm hai mươi hai nghìn đồng).
- Bờ tường xây phía trước sân: 780.000 (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng).
- Khung sắt trước sân trị giá: 159.000 (Một trăm năm mươi chín nghìn đồng).
- Bờ tường rào phía Tây trị giá: 734.000 (Bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng).
- Khung sắt trên bờ tường rào phía Tây trị giá: 169.000 (Một trăm sáu mươi chín nghìn đồng).
- Trụ cổng trị giá: 592.000 (Năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).
- Cánh cửa cổng bằng khung Nhôm hộp trị giá: 609.000 (Sáu trăm linh chín nghìn đồng).
- Mái tôn phía trước nhà trị giá: 2.440.000 (Hai triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).
- Mái tôn phía Đông trị giá: 759.000 (Bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng).
- Nhà tắm, nhà vệ sinh trị giá: 9.560.000 (Chín triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Nền giếng lát xi măng trị giá: 200.400 (Hai trăm, bốn trăm đồng).
- Mái tôn phía sau nhà tắm trị giá: 1.130.000 (Một triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng).

- Mái tôn che phía sau chuồng Gà, chuồng Lợn trị giá: 1.100.000 (Một triệu, một trăm nghìn đồng).

- Tường rào xây xung quanh nền láng xi măng trị giá: 1.359.000 (Một triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn đồng).

- Giếng nước trị giá: 1.222.000 (Một triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- 01 cây Chanh trị giá 100.000 (Một trăm nghìn đồng)

- 01 cây Na trị giá 100.000 (Một trăm nghìn đồng)

- 12 cây Chuối trị giá: 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- 03 cây Quýt trị giá 600.000 (Sáu trăm nghìn đồng).

- 01 cây Ổi trị giá 100.000 (Một trăm nghìn đồng).

- 01 cây Xoài trị giá 200.000 (Hai trăm nghìn đồng)

- 01 bình nóng lạnh trị giá: 1.000.000 (Một triệu đồng)

- 01 tủ bếp gỗ gắn tường trị giá: 100.000 (Một trăm nghìn đồng)

(Tất cả các công trình vật, kiến trúc và cây cối giao cho anh Hà sở hữu gắn liền trên thửa đất số 280 tờ bản đồ số 10 tại tổ dân phố 2, thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA).

Tổng cộng trị giá tài sản anh Đậu Nam H được sở hữu là: 189.277.403 (Một trăm tám mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm linh ba đồng).

3. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Đậu Nam H có nghĩa vụ: Trả cho chị Trần Thị L số tiền: 49.250.000 đồng (Bốn mươi chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng);

4. Buộc anh Đậu Nam H có nghĩa vụ:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Quỳnh P số tiền chênh lệch về tài sản là: 98.019.182 đồng (Chín mươi tám triệu, không trăm mười chín nghìn, một trăm tám mươi hai đồng).

- Giao cho chị Nguyễn Thị Quỳnh P trị giá công sức trong việc bảo vệ, tôn tạo làm tăng giá trị thửa đất số tiền là: 18.000.000 (Mười tám triệu đồng).

- Trả cho chị Nguyễn Thị Quỳnh P tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 800.000 (Tám trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền anh Đậu Nam H có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị Quỳnh P là: 116.819.182 (Một trăm mười sáu triệu, tám trăm mười chín nghìn, một trăm tám mươi hai đồng).

Trị giá tài sản anh Đậu Nam H được sở hữu còn lại là: 42.008.221 (Bốn mươi hai triệu, không trăm linh tám nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng).

5. Chị Nguyễn Thị Quỳnh P được sở hữu số tiền do anh Đậu Nam H giao lại gồm: Tiền chênh lệch về tài sản là: 98.019.182 (Chín mươi tám triệu, không trăm mười chín nghìn, một trăm tám mươi hai đồng); Trị giá công sức trong việc bảo vệ,

tôn tạo làm tăng giá trị thửa đất là: 18.000.000 (Mười tám triệu đồng); Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 800.000 (Tám trăm nghìn đồng).

Tổng cộng là: 116.819.182 (Một trăm mười sáu triệu, tám trăm mười chín nghìn, một trăm tám mươi hai đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 8 năm 2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh P kháng cáo về phần chia tài sản chung và án phí, cụ thể, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại, giao nhà và đất cho chị Phương và chị Phương sẽ giao lại chênh lệch về giá trị ngôi nhà cho anh Hà số tiền là 42.000.000 đồng và chị Phương sẽ trả tiền thửa đất cho anh Hà là 180.000.000 đồng, đề nghị Toà án xem xét miễn toàn bộ án phí cho chị Phương.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, bị đơn anh Đậu Nam H kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại, chia cho anh Hà được hưởng 50% giá trị tài sản chung và không trích 10% tiền tôn tạo đất cho chị Phương.

Ngày 26/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện AS, tỉnh NA đã ban hành quyết định số 322/KNPT-DS kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung bản án sơ thẩm có một số vi phạm như sau: Vi phạm quy định pháp luật về giảm án phí, vi phạm quy định pháp luật về nghĩa vụ chịu án phí trả nợ, vi phạm quy định pháp luật về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, vi phạm về nội dung. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án sửa bản án sơ thẩm theo hướng sửa những vi phạm trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh P và bị đơn anh Đậu Nam H giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NA giữ nguyên nội dung kháng nghị và phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh P, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đậu Nam H, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện AS, sửa nội dung bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng và ý kiến Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Quỳnh P, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện AS:

[1.1] Đối với nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Quỳnh P về việc đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại, giao nhà và đất cho chị Phương và chị Phương sẽ giao lại chênh lệch về giá trị ngôi nhà cho anh Hà số tiền là 42.000.000 đồng và chị Phương sẽ trả tiền thừa đất cho anh Hà là 180.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các tài liệu có tại hồ sơ thể hiện thừa đất số 280, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tổ dân phố 2, thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA là tài sản riêng của anh Hà, có nguồn gốc từ việc nhận quyền sử dụng đất do tặng cho quyền sử dụng đất từ ông bà nội của anh Đậu Nam H. Theo quy định pháp luật, quyền sử dụng đất là tài sản riêng của bên nào thì khi ly hôn vẫn thuộc bên đó. Nên thừa đất này là tài sản riêng của anh Đậu Nam H, không phải tài sản cần phân chia khi vợ chồng ly hôn. Ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thừa đất này là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân và do vợ chồng cùng tạo dựng nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng anh Hà, chị Phương. Khi chia tài sản chung cho vợ chồng, cần xem xét ngôi nhà được xây dựng trên thừa đất (là tài sản riêng của anh Hà), nên việc giao anh Đậu Nam H được sở hữu ngôi nhà cấp 4 và anh Hà có nghĩa vụ trích chênh lệch về tài sản và giá trị công sức trong việc bảo vệ, tôn tạo làm tăng giá trị thừa đất cho chị Phương là hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Hà đối với thừa đất số 280, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tổ dân phố 2, thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Quỳnh P về phần tài sản.

[1.2] Đối với nội dung kháng cáo của chị Phương đề nghị Tòa án xem xét miễn toàn bộ án phí cho chị Phương và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện AS, NA về vi phạm quy định pháp luật về án phí, về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[1.2.1] Về yêu cầu được miễn toàn bộ án phí của chị Phương, xét thấy quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, chị Phương làm đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí với lý do “hoàn cảnh khó khăn, công việc thu nhập thấp, không có tài sản riêng gì có giá trị lớn, tài sản chung của vợ chồng chỉ có ngôi nhà xây trên đất anh Hà thì hiện tại anh Hà nắm giữ hết”, đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí của chị Phương, Ủy ban nhân dân thị trấn AS chỉ xác nhận chị Phương có hộ khẩu thường trú tại thị trấn AS,

không xác nhận nội dung hoàn cảnh khó khăn của chị Phương là sự thật. Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, chị Phương không cung cấp được tài liệu gì chứng minh hoàn cảnh của mình thuộc một trong các trường hợp được miễn, giảm tiền án phí theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chị Phương có hoàn cảnh khó khăn nên giảm 50% án phí chia tài sản chung cho chị Phương là không đúng quy định pháp luật.

[1.2.2] Về nghĩa vụ chịu án phí trả nợ: quá trình giải quyết vụ án, chị Phương và anh Hà đều thừa nhận khoản nợ với bà Trần Thị L số tiền 49.250.000 đồng là khoản nợ chung của hai vợ chồng và bà Liên yêu cầu anh Hà, chị Phương có trách nhiệm trả nợ cho bà số tiền trên. Cấp sơ thẩm xác định đây là nợ chung của vợ chồng và khấu trừ số tiền 49.250.000 đồng trong tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là số tiền 189.277.403 đồng, xác định tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng để chia sau khi khấu trừ nợ là 140.027.403 đồng. Theo quy định của pháp luật, các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng thì đều phải chịu án phí đối với việc chia toàn bộ tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc anh Hà phải nộp án phí đối với nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng mà không buộc chị Phương, anh Hà đều phải nộp án phí đối với nghĩa vụ về tài sản chung là vi phạm quy định pháp luật. Do đó, cần buộc anh Hà, chị Phương mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí của tổng số tiền 49.250.000 đồng.

[1.2.3] Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, đương sự có yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang tranh chấp. Bản án sơ thẩm nhận định và quyết định tỷ lệ giá trị phần tài sản mà chị Phương được hưởng là 70%, anh Hà được hưởng là 30%. Quá trình giải quyết, anh Đậu Nam H và chị Nguyễn Thị Quỳnh P không có thỏa thuận khác về nộp tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhưng bản án sơ thẩm quyết định chia đôi số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản buộc anh Hà và chị Phương mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ (800.000 đồng) trong tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (1.600.000 đồng) là không đúng quy định pháp luật về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Do đó, cần sửa lại phần nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của các đương sự tương ứng với tỉ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia theo quy định tại điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NA về án phí và không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Quỳnh P về phần án phí.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Đậu Nam H và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện AS về nội dung phân chia tài sản chung của vợ chồng anh Hà, chị Phương và trích công sức đóng góp tôn tạo thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10 tại tổ dân phố 2, thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA.

[2.1] Xét thấy ngôi nhà cấp 4 (Được xây dựng trên thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10 - tài sản riêng của anh Hà) là tài sản chung của vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án xác định được số tiền xây nhà được lấy từ các khoản sau: Vay Ngân hàng 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) (Đã trả hết), bà Phan Thị Hương (mẹ chị Phương) cho 100.000.000 (Một trăm triệu đồng), bán 17 chỉ vàng hiệu 9999 được tặng khi cưới (trong đó 10 chỉ do bà Hương là mẹ chị Phương tặng, 6 chỉ là do 2 anh trai chị Phương tặng, 0,5 chỉ là do cháu con dì chị Phương tặng và 0,5 chỉ là do chị dâu anh Hà tặng), còn lại là vay của chị Liên, chị Mai và anh Hải. Mặc dù chị Phương khai rằng khoản tiền 100.000.000 đồng bà Hương (mẹ chị Phương) cho riêng chị Phương để xây nhà chứ không cho chung 02 vợ chồng, nhưng chị Phương không có tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền đó là cho riêng chị Phương. Nên cần xác định số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) của bà Hương cho để xây nhà là cho chung vợ chồng nên vợ chồng được hưởng chung.

Như vậy, căn cứ vào nguồn gốc số tiền dùng để xây nhà thì thấy gia đình bên chị Phương đóng góp nhiều hơn, công sức đóng góp và xây dựng ngôi nhà của chị Phương lớn hơn anh Hà. Vì vậy khi chia tài sản chung, chị Phương được hưởng phần tài sản nhiều hơn là có căn cứ.

Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm chia tỷ lệ chị Phương được hưởng 70%, anh Hà được hưởng 30% chưa hợp lý. Tổng số tiền làm nhà thì tiền chung của vợ chồng chiếm phần lớn (gồm tiền vay từ ngân hàng; tiền vay từ chị Liên, chị Mai, anh Hải; tiền mẹ chị Phương cho chung 02 vợ chồng; tiền bán vàng cưới mà anh em họ hàng mừng cưới hai vợ chồng). Để đảm bảo quyền lợi của anh Hà thì cần chia tài sản chung của chị Phương và anh Hà với tỷ lệ chị Phương 60%, anh Hà 40% là hợp lý, không làm ảnh hưởng lợi ích của các bên.

[2.2] Về trích công sức đóng góp vào việc tôn tạo thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10 tại tổ dân phố 2, thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA.

Đây là thửa đất do anh Hà được hưởng thừa kế riêng, trong quá trình giải quyết vụ án chị Phương không có tranh chấp gì về thửa đất của anh Hà được thừa kế riêng chỉ yêu cầu trích công sức đóng góp, tôn tạo thửa đất cho chị. Anh Hà không đồng ý với yêu cầu của chị Phương do vào năm 2013, trước khi cưới chị Phương, anh Hà có thuê người đổ đất san bằng rồi sau đó 02 năm (tức năm 2015) mới kết hôn với chị Phương, chị Phương không có đóng góp gì vào thửa đất này. Việc tôn tạo thửa đất để làm nhà, hiện nay anh Hà đang nợ tiền đổ đất, san lấp mặt bằng thửa đất. Tuy nhiên,

theo chị Phương khai, thửa đất của anh Hà được thừa kế là một thửa đất trồng, trũng. Sau khi kết hôn với anh Hà thì vợ chồng thống nhất cải tạo thửa đất để làm nhà trên đất. Nay thửa đất đã có khuôn viên đẹp là do có công sức tôn tạo của vợ chồng.

Tại cấp sơ thẩm, chưa xác minh làm rõ thực trạng thửa đất trước thời điểm chị Phương về sinh sống trên thửa đất như thế nào, thửa đất có phải vùng trũng cần đổ đất để nâng nền, tôn tạo hay không nhưng đã buộc anh Hà trích chia công sức cho chị Phương là chưa đủ cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh NA đã uỷ thác Tòa án nhân dân huyện AS xác minh hiện trạng thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10 tại tổ dân phố 2, thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA trước và sau khi xây dựng nhà trên thửa đất. Tại biên bản xác minh ngày 14/03/2022, ông Lê Phi Ninh - công chức địa chính thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA cung cấp thông tin như sau: “Hiện trạng thửa đất số 280, tờ bản đồ số 10 tại tổ dân phố 2, thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA trước khi làm nhà trên thửa đất thì thửa đất thấp, trước khi làm nhà thì chủ sử dụng đất có đắp đất thêm, nâng nền đất cao hơn để làm nhà. Hiện nay thửa đất đã được nâng cao, bằng phẳng và đã xây dựng một ngôi nhà cấp 4 trên đất”. Từ đó xác định được, mảnh đất anh Hà được hưởng thừa kế riêng trước đây là vùng đất trũng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Hà trình bày, việc san lấp thửa đất là do anh thực hiện năm 2013, khi đó chưa cưới chị Phương và tiền san lấp hiện nay anh vẫn chưa trả. Chị Phương thừa nhận, khi chị và anh Hà cưới nhau, chị về đã thấy thửa đất được san lấp bằng phẳng, việc san lấp do anh Hà thực hiện và trả tiền, chị hoàn toàn không biết. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định, chị Phương không góp công sức tôn tạo thửa đất, việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm trích công sức trong việc bảo vệ, tôn tạo làm tăng giá trị thửa đất cho chị Phương 10% trị giá thửa đất, tương đương với số tiền là: 18.000.000 (Mười tám triệu đồng) là không phù hợp.

[2.3] Hội đồng xét xử sửa lại tỉ lệ chia cho phù hợp, cụ thể: Tổng cộng giá trị tài sản anh Đậu Nam H được sở hữu là 189.277.403 đồng, anh Hà có nghĩa vụ trả nợ cho chị Trần Thị L số tiền 49.250.000 đồng. Trị giá tài sản anh Hà được sở hữu còn lại là 140.027.403 đồng. Anh Hà có nghĩa vụ giao lại tiền chênh lệch tài sản cho chị Phương 60% giá trị tài sản, tương đương với số tiền 84.016.441 đồng. Trị giá tài sản anh Hà được sở hữu còn lại là 56.010.962 đồng.

Chị Phương được nhận tại anh Hà 60% giá trị tài sản, tương đương với số tiền 84.016.441 đồng,

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đậu Nam H về phần chia tài sản chung và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện AS về phần chia tài sản chung và trích công sức đóng góp, tôn tạo thửa đất.

[5] Ngoài ra Viện kiểm sát nhân dân huyện AS, NA còn kháng nghị về việc bản án sơ thẩm đã nhận định giải quyết khoản nợ mà anh Hà, chị Phương nợ chị Phan Thị M và anh Đậu Văn H bằng một vụ án khác khi có yêu cầu nhưng phần quyết định không tuyên dành quyền khởi kiện cho chị Phan Thị M, anh Đậu Văn H bằng một vụ án khác khi có yêu cầu là thiếu sót.

Xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân huyện AS, NA kháng nghị bản án sơ thẩm do có vi phạm là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Xét các sai sót của bản án sơ thẩm chưa đến mức nghiêm trọng, cấp phúc thẩm có thể khắc phục được. Do đó, sửa bản án sơ thẩm theo kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện AS là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm có vi phạm quy định pháp luật về án phí và có sự thay đổi về trị giá tài sản mà các bên được hưởng nên cần tính lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

- Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị Quỳnh P không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm; Kháng cáo của anh Đậu Nam H được chấp nhận một phần nên anh Hà không phải chịu án phí dân phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Quỳnh P; Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh Đậu Nam H về chia tài sản chung; Chấp nhận kháng nghị số 765/KNPT-DS ngày 16/4/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện AS, NA. Sửa bản án sơ thẩm về chia tài sản chung, án phí, nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 148; Khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về chia tài sản chung:

Chia cho anh Đậu Nam H được sở hữu các tài sản sau:

- Ngôi nhà cấp 4 trị giá: 164.092.003 (Một trăm sáu mươi tư triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, không trăm lẻ ba đồng).

- Sân lát gạch trị giá: 2.022.000 (Hai triệu, không trăm hai mươi hai nghìn đồng).
 - Bờ tường xây phía trước sân: 780.000 (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng).
 - Khung sắt trước sân trị giá: 159.000 (Một trăm năm mươi chín nghìn đồng)
 - Bờ tường rào phía Tây trị giá: 734.000 (Bảy trăm ba tư nghìn đồng).
 - Khung sắt trên bờ tường rào phía Tây trị giá: 169.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín nghìn đồng).
 - Trụ cổng trị giá: 592.000 đồng (Năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).
 - Cánh cửa cổng bằng khung Nhôm hộp trị giá: 609.000 (Sáu trăm linh chín nghìn đồng).
 - Mái tôn phía trước nhà trị giá: 2.440.000 (Hai triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).
 - Mái tôn phía Đông trị giá: 759.000 (Bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng).
 - Nhà tắm, nhà vệ sinh trị giá: 9.560.000 (Chín triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).
 - Nền giếng láng xi măng trị giá: 200.400 (Hai trăm, bốn trăm đồng).
 - Mái tôn phía sau nhà tắm trị giá: 1.130.000 (Một triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng).
 - Mái tôn che phía sau chuồng Gà, chuồng Lợn trị giá: 1.100.000 (Một triệu, một trăm nghìn đồng).
 - Tường rào xây xung quanh nền láng xi măng trị giá: 1.359.000 (Một triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn đồng).
 - Giếng nước trị giá: 1.222.000 (Một triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).
 - 01 cây Chanh trị giá 100.000 (Một trăm nghìn đồng)
 - 01 cây Na trị giá 100.000 (Một trăm nghìn đồng)
 - 12 cây Chuối trị giá: 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng).
 - 03 cây Quạt trị giá 600.000 (Sáu trăm nghìn đồng).
 - 01 cây ổi trị giá 100.000 (Một trăm nghìn đồng).
 - 01 cây xoài trị giá 200.000 (Hai trăm nghìn đồng)
 - 01 bình nóng lạnh trị giá: 1.000.000 (Một triệu đồng)
 - 01 tủ bếp gỗ gắn tường trị giá: 100.000 (Một trăm nghìn đồng)
- (Tất cả các công trình vật, kiến trúc và cây cối giao cho anh Hà sở hữu gắn liền trên thửa đất số 280 tờ bản đồ số 10 tại tổ dân phố 2, thị trấn AS, huyện AS, tỉnh NA).
- Tổng cộng trị giá tài sản anh Đậu Nam H được sở hữu là: 189.277.403 (Một trăm tám mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm linh ba đồng).

2. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Đậu Nam H có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị L số tiền: 49.250.000 đồng (Bốn mươi chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng);

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng để chia sau khi khấu trừ nợ là 140.027.403 đồng

3. Buộc anh Đậu Nam H có nghĩa vụ:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Quỳnh P số tiền chênh lệch về tài sản là: 140.027.403 đồng – 40% = 84.016.442 đồng (Tám mươi tư triệu, không trăm mười sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng).

- Trả cho chị Nguyễn Thị Quỳnh P tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 640.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền anh Đậu Nam H có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị Quỳnh P là: 84.656.442 đồng (Tám mươi tư triệu, sáu trăm năm sáu ngàn, bốn trăm bốn hai) đồng.

Trị giá tài sản anh Đậu Nam H được sở hữu còn lại là:

140.027.403 đồng - 84.016.442 đồng = 56.010.961 (Năm mươi sáu triệu, không trăm mười ngàn, chín trăm sáu mươi) đồng.

4. Chị Nguyễn Thị Quỳnh P được sở hữu số tiền do anh Đậu Nam H giao lại gồm: Tiền chênh lệch về tài sản là: 84.016.442 đồng (Tám mươi tư triệu, không trăm mười sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng); Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 640.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng cộng là: 84.656.442 đồng (Tám mươi tư triệu, sáu trăm năm sáu ngàn, bốn trăm bốn hai) đồng.

5. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Quỳnh P phải chịu án phí phần giá trị tài sản được chia là 4.200.822 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng); án phí về nghĩa vụ trả nợ là 1.231.250 đồng (Một triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng). Tổng số tiền án phí còn lại chị Phương phải nộp là 5.432.072 (Năm triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi hai) đồng.

Anh Đậu Nam H phải nộp 2.800.548 đồng (Hai triệu tám trăm ngàn, năm trăm bốn tám) đồng tiền án phí phần giá trị tài sản được chia và 1.231.250 (Một triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, hai trăm năm mươi) đồng án phí về nghĩa vụ trả nợ. Tổng số tiền án phí anh Hà phải nộp là 4.031.798 (Bốn triệu không trăm ba mươi một ngàn, bảy trăm chín tám) đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Phương phải chịu án phí phúc dân sự thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí

mà chị Phương đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002036 ngày 27/9/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện AS, tỉnh Nghệ An.

Anh Đậu Nam H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm trả lại cho anh Đậu Nam H 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002034 ngày 21/9/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện AS, tỉnh Nghệ An.

6. Dành quyền khởi kiện cho chị Phan Thị M, anh Đậu Văn H bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn AS

Nguyễn Thị Huyền

Thái Thị Hồng Vân

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh NghệAn;
- TAND, VKSND H.AS;
- Chi cục THADS H.AS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Thái Thị Hồng Vân

